

MÃ ĐỀ 01

**PHẦN I: ĐỌC - HIỂU:** (3.0 điểm)

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

“...Cha ông ta vốn coi trọng đức tính giản dị và khiêm tốn. Vì thế, trong các giá trị nghệ thuật, người xưa cũng ưa thích sự giản dị, không chấp nhận sự xa hoa, hào nhoáng và phô trương. Trong sáng tạo nghệ thuật, các thủ pháp thường thiên về sự giản dị, nhẹ nhàng và thanh nhã. Đã ưa thích sự thông thoáng, thanh dịu khi quan hệ với tự nhiên, lại yêu chuộng giản dị, khiêm tốn trong quan hệ giữa xã hội nên tâm hồn Việt Nam rất kỵ những gì u uất, nặng nề hay rườm rà, loè loẹt. Bởi vậy, từ xa xưa đến nay, những hình thức nặng nề, trang trí rườm rà, phức tạp, màu sắc loè loẹt phô trương không được ưa chuộng trong truyền thống nghệ thuật dân tộc”.

(Trích nguồn: In ternet)

**Câu 1:** Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào? (0,5 điểm)

**Câu 2:** Tìm và ghi lại câu văn nêu luận điểm của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

**Câu 3:** Tìm trạng ngữ và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ trong câu văn sau: “Bởi vậy, từ xa xưa đến nay, những hình thức nặng nề, trang trí rườm rà, phức tạp, màu sắc loè loẹt, phô trương không được ưa chuộng trong truyền thống nghệ thuật dân tộc.” (1.0 điểm)

**Câu 4:** Nêu nội dung của đoạn trích trên. (1.0 điểm)

**II. Tạo lập văn bản (7 điểm)**

**Câu 1:** (2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 150 từ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lối sống giản dị.

**Câu 2:** (5.0 điểm) Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đoạn thơ sau :

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:  
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.  
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng  
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.  
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

(*Quê hương* - **Tế Hanh**)

.....Hết.....

Lưu ý: Học sinh không được sử dụng tài liệu

Họ và tên:.....Số báo danh:.....

**I. Phần Đọc - hiểu (3.0 điểm) Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.*

*Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi...*

*Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người. Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời”.*

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường)

**Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

**Câu 2:** Tìm và ghi lại câu văn nêu luận điểm của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong câu văn sau: *“Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa.”* (1.0 điểm)

**Câu 4:** Nêu nội dung của văn bản trên. (1.0 điểm)

**II. Tạo lập văn bản (7 điểm)**

**Câu 1:**(2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 150 từ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của đức tính khiêm tốn.

**Câu 2:** (5.0 điểm) Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đoạn thơ sau :

*“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:  
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.  
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng  
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.  
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...”*

(*Quê hương* - **Tế Hanh**)

.....Hết.....

**I. Hướng dẫn chung**

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của đề bài để đánh giá tổng quát năng lực của thí sinh: năng lực hiểu biết, vận dụng, sáng tạo và khả năng tạo lập văn bản.

- Vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm, cân nhắc từng trường hợp cụ thể: nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản hoặc có những kiến giải một cách sáng tạo, thuyết phục thì vẫn có thể cho điểm tối đa; tránh việc đếm ý cho điểm. Trân trọng những bài viết sáng tạo, giàu chất văn, liên hệ tốt, có lối tư duy phản biện; kết cấu chặt chẽ, mạch lạc.

- Với bài mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp và kiến thức thì tùy vào mức độ để cho điểm.

**II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:****PHẦN I. ĐỌC HIỂU**

Mã đề	Câu	Hình thức, kĩ năng và nội dung kiến thức	Điểm
<b>01</b>	<b>1</b>	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	0,5
	<b>2</b>	Câu văn nêu luận điểm: Cha ông ta vốn coi trọng đức tính giản dị và khiêm tốn.	0,5
	<b>3</b>	- Trạng ngữ: “ <i>Từ xa xưa đến nay</i> ” - Ý nghĩa trạng ngữ: thêm vào câu để xác định thời gian	0,5 0,5
	<b>4</b>	Nội dung của văn bản: Đề cao tính giản dị, khiêm tốn trong sáng tạo nghệ thuật để tạo ra giá trị nghệ thuật truyền thống của dân tộc ta.	1,0
<b>02</b>	<b>1</b>	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	0,5
	<b>2</b>	Câu văn nêu luận điểm: Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.	0,5
	<b>3</b>	- Phép tu từ: Liệt kê - Tác dụng: chỉ ra các biểu hiện của người có tính khiêm tốn để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vai trò của đức tính khiêm tốn.	0,5 0,5
	<b>4</b>	Nội dung của văn bản: Đề cao đức khiêm tốn của con người. Càng khiêm tốn, chúng ta sẽ học hỏi thêm nhiều	1,0

		điều...	
--	--	---------	--

## I. PHẦN TẠO LẬP VĂN BẢN

### Câu 1:

Mã đề	Yêu cầu về nội dung và kĩ năng	Điểm
<b>01</b>	<p><b>Viết đoạn văn:</b></p> <p>* Hình thức: Học sinh biết trình bày đúng hình thức của một đoạn văn, khoảng 150 từ.</p> <p>* Nội dung: Học sinh trình bày được những ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu: lối sống giản dị là một trong những cách sống đẹp của con người.</li> <li>- Giải thích: Giản dị là sống một cách đơn giản, tự nhiên, không cầu kì phô trương trong lối sống.</li> <li>- Ý nghĩa: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giản dị khiến người ta dễ hòa nhập với mọi người, làm cho con người trở nên thân thiện với nhau và giúp ta có thêm bạn bè... góp phần làm sáng lên nhân cách của mỗi con người.</li> <li>+ Giản dị tạo nên sự thanh thản, bình yên trong tâm hồn và sự nhàn nhã, thư thái trong nhịp sống.</li> <li>+ Sống giản dị là một trong những cách để mỗi người sống thật, sống có hứng thú, có ý nghĩa.</li> </ul> </li> <li>-&gt; Giản dị là một trong những đức tính tốt đẹp, mỗi người cần trang bị đức tính giản dị cho mình.</li> <li>- Tuy nhiên giản dị không có nghĩa là dễ dãi, xuề xòa, qua loa.</li> </ul>	<p><b>0.5</b></p> <p><b>1.5</b></p>
<b>02</b>	<p><b>Viết đoạn văn:</b></p> <p>* Hình thức: Học sinh biết trình bày đúng hình thức của một đoạn văn, khoảng 150 từ.</p> <p>* Nội dung: Học sinh trình bày được những ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu: Khiêm tốn là một trong những đức tính cao đẹp, đáng quý của con người.</li> <li>- Giải thích: Khiêm tốn là đức tính nhã nhặn, nhún nhường, không đề cao cái mình có và luôn coi trọng người khác.</li> <li>- Giá trị của đức tính khiêm tốn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khiêm tốn giúp cho con người học hỏi được nhiều điều, có ý thức phấn đấu không ngừng, luôn vươn lên trong cuộc sống, dễ thành công; có nhiều đóng góp cho xã hội,...</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>0.5</b></p> <p><b>1.5</b></p>

	<p>+ Khiêm tốn giúp ta dễ hòa nhập với cộng đồng, được mọi người yêu mến,...</p> <p>-&gt; muốn thành công trên đường đời, mỗi người cần trang bị đức khiêm tốn cho bản thân.</p> <p>+ Tuy nhiên khiêm tốn không phải là tự ti, tự hạ thấp, đánh mất mình.</p>	
--	---	--

**Câu 2: (5.0 điểm) chung cho cả hai mã đề**

Ý	Yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng	Điểm
	<p><b>1. Kỹ năng:</b> Đảm bảo là bài văn nghị luận văn học, có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức, sắp xếp ý một cách lô gic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận.</p>	
	<p><b>2. Kiến thức:</b> Bài làm có thể triển khai bằng nhiều cách nhưng cơ bản cần đảm bảo những nội dung sau:</p> <p><b>a. MB:</b> Giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p><b>b. TB:</b></p> <p>*. <b>Khái quát:</b> Giới thiệu về tác giả, tác phẩm; vị trí, nội dung của đoạn trích</p> <p>* <b>Cảm nhận về vẻ đẹp của đoạn thơ:</b></p> <p>+ <b>Giới thiệu chung về vị trí địa lí, nghề truyền thống của quê hương:</b> “Làng tôi ở...nửa ngày sông”. Hai câu thơ gợi ra dáng hình của quê hương với nghề <i>chài lưới</i> và địa hình rất đặc biệt “<i>nước bao vây</i>”, tựa như một cù lao nổi lên giữa sông nước mênh mông. Và khoảng cách địa lý được đo đếm bằng thời gian “<i>cách biển nửa ngày sông</i>”, rất đậm lời nói của người dân miền biển.</p> <p>+ <b>Cảnh ra khơi: 6 câu thơ tiếp</b></p> <p>- Không gian thoáng đãng, rộng rãi; thiên nhiên tươi đẹp, thời tiết thuận lợi <i>trời trong, gió nhẹ, nắng hồng</i>, nét vẽ mang màu sắc hứng khởi, cảm xúc lãng mạn, gợi cảnh buổi sáng đẹp trời và không khí hào hứng của chuyến ra khơi.</p> <p>- Nổi bật trên nền cảnh ấy là hình ảnh những ngư dân chài lưới: <i>Dân trai tráng</i> - những ngư dân khoẻ mạnh, với thân hình vạm vỡ đang chinh phục biển khơi.</p> <p>- Hình ảnh so sánh: <i>Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã</i> -&gt; Khí thế hăng hái, mạnh mẽ, kiên cường -&gt; vẻ đẹp kiêu hùng của người dân lao động. <i>Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng</i> “<i>cánh buồm</i>” biểu tượng thiêng liêng cho sự sống - sự vật hữu hình so với cái vô hình <i>mảnh hồn làng</i>, biểu tượng cho sức mạnh tự nhiên, cho</p>	<p><b>0.5</b></p> <p><b>0, 5</b></p> <p><b>1.0</b></p> <p><b>1.5</b></p>

	<p>niềm tin, hi vọng. Nó là linh hồn của người dân chài.</p> <p>- Các động từ “<i>rướn</i>”, “<i>phăng</i>” và tính từ “<i>hăng</i>”, thể hiện sức mạnh và tầm vóc của người lao động -&gt; tạo 1 vẻ đẹp hoành tráng, một khí thế sôi nổi, khấn trương...</p> <p>+ <b>Tình yêu, nỗi nhớ quê hương của tác giả:</b> Tác giả yêu mến quê hương bằng tất cả tình cảm sâu nặng và nỗi nhớ nhung da diết qua việc tái hiện lại hình ảnh làng quê và các hoạt động sinh hoạt nơi quê nhà.</p> <p>* HS đánh giá khái quát đoạn thơ; tài năng và tâm lòng của tác giả và có thể liên hệ một số bài thơ khác viết về đề tài quê hương của Tế Hanh cũng như của các nhà thơ khác.</p> <p><b>c. KB</b></p> <p>Khẳng định vẻ đẹp của đoạn thơ, khẳng định sức sống của tác phẩm...</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
--	--	----------------------------------